



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 33

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 79A Trần Hưng Đạo, Ấp 1, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01/6/2007
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch	28/4/2011
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25/4/2008
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Thành viên	11/4/2011
Ông Huỳnh Ngọc Mẫn	Thành viên	24/4/2014

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng ban
Bà Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15/4/2004	
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2009	
Ông Vũ Thành Nam	Giám đốc Tài Chính	02/11/2012	03/7/2014
Bà Nguyễn Thị Phước Diên	Kế toán trưởng	02/11/2012	

### 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

### 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho các năm tài chính tiếp theo của Công ty.

### 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN THANH NGHĨA**





Số: 15.146/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các cổ đông  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**ĐẶNG XUÂN CẢNH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0067-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**NGUYỄN HOÀNG VY THẢO**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 1727-2013-026-1





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**Mẫu số B 01 - DN****BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. Minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>927.817.020.559</b>	<b>838.588.560.259</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>51.103.593.185</b>	<b>84.966.022.076</b>
1. Tiền	111		22.916.753.185	11.195.949.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		28.186.840.000	73.770.072.353
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(5.2)	<b>13.484.000.000</b>	<b>986.841.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		13.484.000.000	988.103.451
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(1.262.451)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.3)	<b>564.070.422.908</b>	<b>598.017.695.916</b>
1. Phải thu khách hàng	131		567.204.480.116	561.310.640.335
2. Trả trước cho người bán	132		1.762.001.370	11.954.346.776
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		5.463.992.407	34.171.885.907
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.360.050.985)	(9.419.177.102)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>200.553.536.068</b>	<b>126.863.360.671</b>
1. Hàng tồn kho	141	(5.4)	201.542.447.993	127.555.091.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(988.911.925)	(691.731.313)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>98.605.468.398</b>	<b>27.754.640.596</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.541.669	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		81.327.596.533	8.098.044.934
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.462.000	21.692.876
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	17.262.868.196	19.634.902.786

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. Minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>760.309.088.416</b>	<b>587.858.323.660</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>27.218.920.903</b>	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	(5.6)	27.218.920.903	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>87.787.578.863</b>	<b>96.670.450.310</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.7)	28.021.854.165	36.742.127.493
+ Nguyên giá	222		83.509.059.011	88.997.713.018
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(55.487.204.846)	(52.255.585.525)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.8)	57.010.856.539	58.450.742.155
+ Nguyên giá	228		62.961.546.808	62.961.546.808
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.950.690.269)	(4.510.804.653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.9)	2.754.868.159	1.477.580.662
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.10)	<b>645.295.378.919</b>	<b>491.177.503.484</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		646.194.000.000	491.194.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		68.477.795	941.482.641
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(967.098.876)	(957.979.157)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.209.731</b>	<b>10.369.866</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.209.731	10.369.866
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.688.126.108.975</b>	<b>1.426.446.883.919</b>

(Phần tiếp theo ở trang 7)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>903.100.707.796</b>	<b>704.485.000.718</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>902.064.707.796</b>	<b>704.329.000.718</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.11)	530.129.777.897	436.737.857.723
2. Phải trả người bán	312	(5.12)	310.531.253.765	208.633.805.590
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.12)	4.932.080.829	34.098.289.325
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.13)	8.690.086.620	11.093.238.878
5. Phải trả người lao động	315	(5.14)	354.706.669	562.194.432
6. Chi phí phải trả	316	(5.15)	685.781.401	1.029.311.716
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.16)	43.932.919.274	9.784.886.270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	(5.17)	2.808.101.341	2.389.416.784
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.036.000.000</b>	<b>156.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	(5.18)	1.036.000.000	156.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>785.025.401.179</b>	<b>721.961.883.201</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.19)	<b>785.025.401.179</b>	<b>721.961.883.201</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		614.356.040.000	501.360.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		160.764.683.540	160.852.283.540
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(58.638.685.584)	(58.638.685.584)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		26.956.805.237	26.017.792.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.512.121.366	2.479.121.366
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39.074.436.620	89.890.471.570
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.688.126.108.975</b>	<b>1.426.446.883.919</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 01 - DN

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		556.746,02	442.155,63
+ EUR		100,27	100,27
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THÚY DIỄM

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIỄM

NGUYỄN THANH NGHĨA



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.708.301.078.381	3.283.521.850.404
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.849.824	29.603.840
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	2.708.290.228.557	3.283.492.246.564
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	2.657.546.455.543	3.243.423.746.533
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.743.773.014	40.068.500.031
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	24.641.439.808	45.148.462.422
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	38.929.153.348	40.557.544.323
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		32.139.764.873	34.226.729.030
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	14.641.794.584	16.181.510.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	19.934.003.744	21.971.756.507
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.880.261.146	6.506.151.509
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	3.404.989.405	56.079.409.508
12. Chi phí khác	32	(6.8)	7.586.063.940	58.937.938.000
13. Lợi nhuận khác	40		(4.181.074.535)	(2.858.528.492)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.300.813.389)	3.647.623.017
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	21.230.876	2.429.656.168
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.322.044.265)	1.217.966.849

NGƯỜI LẬP BIỂU

  
 HUỖNH THỊ THÚY DIỄM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

  
 NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIỄM

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY  
 CỔ PHẦN  
 ĐẠI THIÊN LỘC  
 TP. THỦ DẦU MỘT - TỈNH BÌNH DƯƠNG



NGUYỄN THANH NGHĨA



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(2.300.813.389)	3.647.623.017
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		8.691.292.279	10.060.147.926
Các khoản dự phòng	03		1.245.911.763	2.302.721.848
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.180.795.671	227.268.806
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.234.920.802)	(1.333.593.940)
Chi phí lãi vay	06		32.139.764.873	34.226.729.030
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		37.722.030.395	49.130.896.687
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(219.333.801.427)	(155.388.161.412)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(74.469.040.774)	237.855.387.215
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		104.642.482.369	66.134.930.377
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(10.381.534)	421.633.541
Tiền lãi vay đã trả	13		(32.483.020.779)	(35.904.711.282)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.442.229.601)	(17.185.961.059)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(204.386.300)	(3.518.726.170)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(185.578.347.651)</b>	<b>141.545.287.897</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.032.293.641)	(2.130.269.623)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		3.220.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.034.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.550.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(118.300.000)	(602.004.846)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		991.304.846	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.720.478.376	1.331.429.653
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.702.810.419)</b>	<b>(1.400.844.816)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 11)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		65.999.970.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.465.574.315.538	1.239.436.993.387
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.372.033.508.087)	(1.318.495.710.363)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>159.540.777.451</b>	<b>(79.058.716.976)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(33.740.380.619)</b>	<b>61.085.726.105</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>84.966.022.076</b>	<b>24.160.032.735</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</b>	<b>61</b>		<b>(122.048.272)</b>	<b>(279.736.764)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>51.103.593.185</b>	<b>84.966.022.076</b>

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HUỲNH THỊ THÚY DIỄM

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIỄM

NGUYỄN THANH NGHĨA



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 09 – DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700381282 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 6 năm 2014.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô CN8, Đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 614.356.040.000 VND.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Thôn Giáng Nam 2, Xã Hòa Phước, Huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng.
- Chi nhánh tại 19 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Long Hương, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 79A Trần Hưng Đạo, Ấp 1, Thị trấn Long Mỹ, Huyện Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang.
- Chi nhánh tại 295 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh tại 14/20 Quốc Lộ 1A, Ấp 3, Xã Tân Quý Tây, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh tại 105/49A Ấp Chiêu Liêu, Xã Tân Đông Hiệp, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các công ty con sau:

Tên	Ngành nghề	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	
			31/12/2014	01/01/2014
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Sản xuất và kinh doanh thép	637 tỷ	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Sản xuất và kinh doanh thép	15 tỷ	100%	100%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 46 (31/12/2013: 47).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Ngành nghề sản xuất chính của Công ty là:
  - Sản xuất thép cán nóng (P/O), thép cán nguội (C/R), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu (tôn mạ màu), thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép. Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ.
  - Sản xuất các sản phẩm cơ khí, lắp dựng các cấu kiện, nhà kho, dầm cầu trục, các sản phẩm cơ khí phục vụ xây dựng. Sản xuất tấm lợp các loại.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:
  - Mua bán sắt thép các loại.
  - Mua bán vật tư nhiên liệu, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất sắt thép và xây dựng.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- + Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.
- + Mua bán nông sản.
- + Mua bán vỏ, ruột xe.
- + Mua bán tấm cách nhiệt, tấm lợp các loại.
- + Xây dựng nhà các loại.
- + Thi công hệ thống điện công trình.
- + Thi công hệ thống nước công trình.
- + Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- + Đúc sắt, thép.
- + Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
- + Chế biến nông sản.
- + Sản xuất, lắp đặt tấm cách nhiệt.
- + Sản xuất đồ gỗ gia dụng.
- + Dịch vụ giao nhận. Dịch vụ khai thuê hải quan, lập dự án đầu tư và tư vấn đầu tư.
- + Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- + Kinh doanh địa ốc, nhà xưởng. Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật công nghiệp, dân cư đô thị. Cho thuê kho bãi.

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12; riêng năm tài chính đầu tiên được bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2001.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.5. Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.6. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 20 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

#### 4.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất từ 39 đến 48 năm.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

##### **Phần mềm máy vi tính**

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích là 08 năm.

#### 4.8. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.9. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 4.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

##### **Đối với các khoản đầu tư chứng khoán**

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### **Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 4.11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

### 4.12. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	<u>Mục đích</u>	<u>Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo báo cáo tài chính hợp nhất</u>
+ Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	5%
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	3%

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### 4.13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### 4.14. Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

*Ưu đãi, miễn giảm thuế*

Đối với hoạt động thương mại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 06 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2011).

Đối với hoạt động sản xuất, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2006 đến năm 2013).

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.15. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

#### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay.

#### Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 4.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	343.473.018	160.180.168
Tiền gửi ngân hàng	22.573.280.167	11.035.139.555
Các khoản tương đương tiền	28.186.840.000	73.770.702.353
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.103.593.185</b>	<b>84.966.022.076</b>

Các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với số tiền là 20.093.120.924 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.11.

### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng và được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.11.

### 5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	567.204.480.116	561.310.640.335
Trả trước cho người bán	1.762.001.370	11.954.346.776
Các khoản phải thu khác	5.463.992.407	34.171.885.907
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>574.430.473.893</b>	<b>607.436.873.018</b>
Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(10.360.050.985)	(9.419.177.102)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>564.070.422.908</b>	<b>598.017.695.916</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải thu từ các bên liên quan 455.366.478.866 VND - Xem thêm mục 9.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc - chi hộ, cho mượn – Xem thêm mục 9.	785.134.730	4.661.991.371
Thuế GTGT chờ được hoàn	122.067.083	22.242.813.785
Thuế Giá trị gia tăng chờ khấu trừ	1.078.304.629	2.384.765.751
Tiền cho công nhân viên vay	500.000.000	500.000.000
Thuế nhập khẩu chờ được hoàn	193.730.698	1.584.922.724
Phải thu khác	2.784.755.267	2.797.392.276
<b>Cộng</b>	<b>5.463.992.407</b>	<b>34.171.885.907</b>

Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	-	(20.998)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 02 năm	(35.161)	(216.591.618)
Khoản nợ phải thu quá hạn dưới 03 năm	(302.808.418)	(2.492.016.235)
Khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(10.057.207.406)	(6.710.548.251)
<b>Cộng</b>	<b>(10.360.050.985)</b>	<b>(9.419.177.102)</b>

### 5.4. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	-	2.578.901.640
Nguyên liệu, vật liệu	122.602.477.651	18.070.656.910
Công cụ, dụng cụ	3.753.598.913	3.429.870.479
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	59.885.549	146.409.718
Thành phẩm	19.494.081.173	75.417.419.742
Hàng hóa	55.632.404.707	27.911.833.495
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>201.542.447.993</b>	<b>127.555.091.984</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(988.911.925)	(691.731.313)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>200.553.536.068</b>	<b>126.863.360.671</b>

Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 297.180.612 VND do giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay là 93.167.000.000 VND – Xem thêm mục 5.11.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	121.280.420	121.280.420
Tạm ứng	3.979.025.309	3.012.741.810
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13.162.562.467	16.500.880.556
<b>Tổng cộng</b>	<b>17.262.868.196</b>	<b>19.634.902.786</b>

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn là khoản ký quỹ dùng để mở LC thanh toán. Khoản ký quỹ với số tiền 2.607.140.000 VND được dùng để đảm bảo khoản vay của Công ty - Xem thêm mục 5.11.

### 5.6. Các khoản phải thu dài hạn

Các khoản phải thu dài hạn khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Đây là khoản phải thu từ Công ty có liên quan - Xem thêm mục 9.

(Phần tiếp theo ở trang 20)



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình****VND**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	16.931.484.163	47.170.049.853	24.337.235.724	558.943.278	88.997.713.018
Mua trong năm	236.690.909	-	-	-	236.690.909
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(5.725.344.916)	-	(5.725.344.916)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17.168.175.072</b>	<b>47.170.049.853</b>	<b>18.611.890.808</b>	<b>558.943.278</b>	<b>83.509.059.011</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	8.518.574.962	29.622.401.294	13.700.153.161	414.456.108	52.255.585.525
Khấu hao trong năm	902.380.548	3.679.395.363	2.622.589.710	47.041.042	7.251.406.663
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.019.787.342)	-	(4.019.787.342)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.420.955.510</b>	<b>33.301.796.657</b>	<b>12.302.955.529</b>	<b>461.497.150</b>	<b>55.487.204.846</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	8.412.909.201	17.547.648.559	10.637.082.563	144.487.170	36.742.127.493
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.747.219.562</b>	<b>13.868.253.196</b>	<b>6.308.935.279</b>	<b>97.446.128</b>	<b>28.021.854.165</b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 470.955.289 VND – Xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 17.817.662.786 VND.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 2.050.320.714 VND – Xem thêm mục 9.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**5.8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	62.870.247.808	91.299.000	62.961.546.808
Mua trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>62.870.247.808</b>	<b>91.299.000</b>	<b>62.961.546.808</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.453.742.788	57.061.865	4.510.804.653
Khấu hao trong năm	1.428.473.244	11.412.372	1.439.885.616
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>5.882.216.032</b>	<b>68.474.237</b>	<b>5.950.690.269</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	58.416.505.020	34.237.135	58.450.742.155
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>56.988.031.776</b>	<b>22.824.763</b>	<b>57.010.856.539</b>

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 6.981.887.182 VND – Xem thêm mục 5.11.

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình đã dùng để thế chấp, để bảo lãnh cho các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 45.711.189.868 VND – Xem thêm mục 9.

**5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công trình văn phòng, nhà xưởng	-	73.067.776
Máy móc, dây chuyền sản xuất	-	220.192.636
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.754.868.159	1.184.320.250
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.754.868.159</b>	<b>1.477.580.662</b>

**5.10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	646.194.000.000	491.194.000.000
Đầu tư dài hạn khác	68.477.795	941.482.641
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>646.262.477.795</b>	<b>492.135.482.641</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(967.098.876)	(957.979.157)
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>645.295.378.919</b>	<b>491.177.503.484</b>

Đầu tư vào công ty con được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	637.000.000.000	482.000.000.000
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	9.194.000.000	9.194.000.000
<b>Cộng</b>	<b>646.194.000.000</b>	<b>491.194.000.000</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Lý do thay đổi và chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty con như sau:

- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295237 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 30 tháng 12 năm 2014 vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc là 637.000.000.000 VND. Trong năm, Công ty đã góp thêm 155.000.000.000 VND bằng công nợ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số vốn Công ty đã đầu tư là 637.000.000.000 VND, đạt 100% vốn điều lệ - Xem thêm mục 9.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3701295519 ngày 22 tháng 12 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, vốn đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc là 15.000.000.000 đồng. Tại ngày kết thúc năm kế toán, Công ty đã đầu tư 9.194.000.000 VND, tương đương 61,29% vốn điều lệ. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 2 tháng 10 năm 2013 Công ty đã quyết định chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc để tái cơ cấu toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

### 5.11. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	530.009.777.897	433.393.980.473
Vay đối tượng khác - Xem thêm mục 9.	-	984.733.250
Vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.18.	120.000.000	2.359.144.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>530.129.777.897</b>	<b>436.737.857.723</b>

Các khoản vay ngân hàng dùng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên vật liệu, chịu lãi suất từ 6,9% đến 8,5%/năm đối với VND và từ 2,5% đến 5,05% đối với USD. Khoản vay được đảm bảo bằng số dư tiền gửi ngân hàng, số dư tiền gửi ký quỹ của Công ty tại Ngân hàng, hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình và tài sản của bên có liên quan - Xem thêm mục 5.1., 5.2., 5.4., 5.5., 5.8. và mục 9.

### 5.12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	310.531.253.765	208.633.805.590
Người mua trả tiền trước	4.932.080.829	34.098.289.325
<b>Tổng cộng</b>	<b>315.463.334.594</b>	<b>242.732.094.915</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải trả cho các bên liên quan là 6.391.938.778 VND - Xem thêm mục 9.

### 5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	-	19.886.496
Thuế xuất, nhập khẩu	8.277.781.978	9.224.003.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.086.243	1.545.292.285
Thuế thu nhập cá nhân	309.218.399	304.056.534
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.690.086.620</b>	<b>11.093.238.878</b>

### 5.14. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 12 và thưởng năm 2014 còn phải trả cho người lao động.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.15. Chi phí phải trả

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	582.325.756	925.581.671
Chi phí phải trả khác	103.455.645	103.730.045
<b>Tổng cộng</b>	<b>685.781.401</b>	<b>1.029.311.716</b>

### 5.16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	70.688.612	31.402.724
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	48.484.117	99.357.975
Cổ tức phải trả	152.737.500	152.737.500
Thu hộ tiền hàng	1.627.054.897	1.626.938.667
Tiền mượn	36.255.125.283	2.573.781.010
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.778.828.865	5.300.668.394
<b>Tổng cộng</b>	<b>43.932.919.274</b>	<b>9.784.886.270</b>

Trong đó khoản phải trả cho các bên liên quan là 37.982.027.080 VND – Xem thêm mục 9.

### 5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.389.416.784	5.292.988.954
Trích lập trong năm	563.407.757	395.554.000
Tặng khác	8.663.100	-
Sử dụng trong năm	(153.386.300)	(3.299.126.170)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.808.101.341</b>	<b>2.389.416.784</b>

### 5.18. Vay và nợ dài hạn

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vay ngân hàng	36.000.000	156.000.000
Vay đối tượng khác	1.000.000.000	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.036.000.000</b>	<b>156.000.000</b>

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 48 tháng đến 60 tháng với lãi suất dao động theo lãi suất tiền gửi của ngân hàng cộng biên độ phù hợp do các ngân hàng quy định từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 156.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 120.000.000 VND – Xem thêm mục 5.11.

Các khoản vay dài hạn được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình – Xem thêm mục 5.7.

Vay đối tượng khác là khoản vay các bên có liên quan thời hạn vay là 28 tháng, lãi suất 0% - Xem thêm mục 9.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.19. Vốn chủ sở hữu

#### 5.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	501.360.900.000	160.852.283.540	(58.638.685.584)	25.358.534.309	2.632.796.366	90.082.517.326	721.648.345.957
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.217.966.849	1.217.966.849
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	659.258.000	65.925.000	(725.183.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(395.554.000)	(395.554.000)
Chi Quỹ	-	-	-	-	(219.600.000)	-	(219.600.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(289.275.605)	(289.275.605)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>501.360.900.000</b>	<b>160.852.283.540</b>	<b>(58.638.685.584)</b>	<b>26.017.792.309</b>	<b>2.479.121.366</b>	<b>89.890.471.570</b>	<b>721.961.883.201</b>
Tăng vốn do phát hành cổ phần	66.087.570.000	(87.600.000)	-	-	-	-	65.999.970.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-	-	-	-	(46.907.570.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(2.322.044.265)	(2.322.044.265)
Trích lập quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	939.012.928	84.000.000	(1.023.012.928)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(563.407.757)	(563.407.757)
Chi Quỹ	-	-	-	-	(51.000.000)	-	(51.000.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>614.356.040.000</b>	<b>160.764.683.540</b>	<b>(58.638.685.584)</b>	<b>26.956.805.237</b>	<b>2.512.121.366</b>	<b>39.074.436.620</b>	<b>785.025.401.179</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

Là vốn góp của các cổ đông.

### 5.19.3. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 số 01-2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2013. Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2012 trong năm 2014 với tỷ lệ 10% tương đương số tiền là 46.907.570.000 VND.

### 5.19.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	61.863.162	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	61.435.604	50.136.090
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	3.227.840	3.227.840
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	58.207.764	46.908.250

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

### 5.19.5. Lãi / (Lỗ) cơ bản trên cổ phần

Công ty không trình bày chỉ tiêu này vì theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu" do Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất nên chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phần sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

### 5.19.6. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	89.890.471.570	90.082.517.326
Lợi nhuận sau thuế trong năm	(2.322.044.265)	1.217.966.849
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(939.012.928)	(659.258.000)
Trích lập Quỹ khác từ vốn chủ sở hữu	(84.000.000)	(65.925.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(563.407.757)	(395.554.000)
Chia cổ tức	(46.907.570.000)	-
Tặng/(giảm) khác	-	(289.275.605)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>39.074.436.620</b>	<b>89.890.471.570</b>

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	2.415.960.710.805	2.957.191.281.268
Doanh thu bán thành phẩm	291.738.202.848	326.330.569.136
Doanh thu bán phế liệu	602.164.728	-
Giảm giá hàng bán	(10.849.824)	-
Hàng bán bị trả lại	-	(29.603.840)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.708.290.228.557</b>	<b>3.283.492.246.564</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.401.060.407.368	2.950.588.022.857
Giá vốn của thành phẩm đã bán	255.586.702.871	293.670.854.260
Giá vốn của phế liệu	602.164.692	-
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	297.180.612	(835.130.584)
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.657.546.455.543</b>	<b>3.243.423.746.533</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.714.073.376	1.331.429.653
Lãi đầu tư chứng khoán	259.626.549	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.828.602.893	512.621.329
Lãi bán hàng trả chậm – Xem thêm mục 9.	19.832.731.990	43.304.411.440
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.405.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.641.439.808</b>	<b>45.148.462.422</b>

### 6.4. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	32.139.764.873	34.226.729.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.598.194.441	5.744.210.469
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.180.795.671	227.268.806
Dự phòng đầu tư tài chính	7.857.268	354.902.204
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.541.095	4.433.814
<b>Tổng cộng</b>	<b>38.929.153.348</b>	<b>40.557.544.323</b>

### 6.5. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.386.793.284	1.434.138.469
Chi phí vật liệu, bao bì	304.476.884	101.739.144
Chi phí công cụ, dụng cụ	70.714.443	32.530.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	114.338.412	114.338.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.542.311	1.003.632.420
Chi phí khác	12.403.929.250	13.495.131.669
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.641.794.584</b>	<b>16.181.510.114</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	2.822.132.016	3.663.837.718
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	378.593.117	200.580.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.910.038.943	1.965.555.679
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	940.873.718	2.192.504.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.909.300.301	5.148.975.136
Chi phí khác	9.973.065.649	8.800.302.589
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.934.003.744</b>	<b>21.971.756.507</b>

**6.7. Thu nhập khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.220.004.434	656.636.287
Thu nhập nhượng bán nguyên vật liệu	-	55.389.671.185
Thu nhập khác	184.984.971	33.102.036
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.404.989.405</b>	<b>56.079.409.508</b>

**6.8. Chi phí khác**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.705.557.574	654.472.000
Giá vốn nhượng bán nguyên vật liệu	-	55.267.342.018
Tiền phạt, tiền bồi thường	1.826.134.313	244.562.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định không hoạt động	4.036.334.540	2.763.414.104
Chi phí khác	18.037.513	8.147.103
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.586.063.940</b>	<b>58.937.938.000</b>

**6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	(2.300.813.389)	3.647.623.017
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	3.214.709.596	2.576.727.297
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(1.548.677.638)	(24.084.589)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	(634.781.431)	6.200.265.725
+ Thu nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	(68.376.389)	616.214.716
+ Thu nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 22%)	(566.263.904)	5.584.051.009
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	-	1.550.066.431
Trừ thuế TNDN được miễn giảm	-	(107.837.575)
Điều chỉnh thuế TNDN của năm trước	21.230.876	987.427.312
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>21.230.876</b>	<b>2.429.656.168</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.401.060.407.368	2.950.588.022.857
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	195.557.329.622	334.827.351.089
Chi phí nhân công	5.845.483.834	7.792.587.877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.654.957.739	7.214.253.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.162.841.341	6.567.703.839
Chi phí khác	23.821.917.658	26.776.233.377
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.636.102.937.562</b>	<b>3.333.766.152.241</b>

**7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn đầu tư vào đơn vị khác bằng chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	119.020.881.411
Góp vốn đầu tư vào đơn vị khác bằng công nợ	155.000.000.000	62.979.118.589
Tặng vốn do chia cổ tức bằng cổ phần	46.907.570.000	-

**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận vì theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận", do Công ty có lập báo cáo tài chính hợp nhất nên các thuyết minh về báo cáo bộ phận sẽ được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

**9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN**

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	Công ty con
2. Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	Công ty con
3. Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	Cổ đông lớn
4. Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
5. Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
6. Bà Nguyễn Thanh Dung	Quan hệ ruột thịt với BGD và HĐQT
7. Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	Công ty thuộc sở hữu cá nhân liên quan

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.3.		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	647.438.478	647.438.478
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	454.719.040.388	498.285.658.655
<b>Cộng</b>	<b>455.366.478.866</b>	<b>498.933.097.133</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khác – Xem thêm mục 5.3.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	785.134.730	4.661.991.371

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu dài hạn – Xem thêm mục 5.6.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	27.218.920.903	-

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán - Xem thêm mục 5.12.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(6.391.938.778)	(4.258.825.716)

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả khác - Xem thêm mục 5.16.		
Công ty TNHH MTV Tôn Đại Thiên Lộc	(1.627.054.897)	(1.626.938.667)
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	(36.255.125.283)	(2.573.781.010)
Công ty TNHH Sản xuất Thương Mại Thép Thiên Lộc	(99.846.900)	(99.846.900)
<b>Cộng</b>	<b>(37.982.027.080)</b>	<b>(4.300.566.577)</b>

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay		
Bà Nguyễn Thanh Dung - Xem thêm mục 5.11.	-	(984.733.250)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa - Xem thêm mục 5.18	(1.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>(984.733.250)</b>

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.726.539.986.969	2.376.456.481.974
Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	1.815.567.000	65.515.791.022
<b>Cộng</b>	<b>1.728.355.553.969</b>	<b>2.441.972.272.996</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	1.375.833.395.157	1.756.425.444.026
Công ty TNHH Sản xuất thép Tâm Đức	50.315.880.000	139.825.865.154
<b>Cộng</b>	<b>1.426.149.275.157</b>	<b>1.896.251.309.180</b>

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi bán bán hàng trả chậm - Xem thêm mục 6.3.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	19.832.731.990	43.304.411.440

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn bằng công nợ - Xem thêm mục 5.10.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	155.000.000.000	62.979.118.589

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị bảo lãnh và thế chấp cho các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.7. và 5.8.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	47.761.510.582	49.163.817.910

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ các bên có liên quan - Xem thêm mục 5.11.		
Công ty TNHH MTV Thép Đại Thiên Lộc	739.031.000.000	498.502.179.494

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị được bảo lãnh, thế chấp từ cá nhân có liên quan - Xem thêm mục 5.11.		
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	62.481.000.000 <sup>(*)</sup>	71.817.000.000 <sup>(*)</sup>
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa và Bà Nguyễn Thị Bích Liên	86.583.400.000 <sup>(*)</sup>	86.583.400.000 <sup>(*)</sup>
<b>Cộng</b>	<b>149.064.400.000<sup>(*)</sup></b>	<b>158.400.400.000<sup>(*)</sup></b>

Giá bán hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Các khoản công nợ phải thu không có đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

Công ty cũng cung cấp và nhận tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động. Các khoản tiền mượn và cho mượn không chịu lãi suất. Khoản vay từ các bên có liên quan chịu lãi suất là 0%.

(<sup>1</sup>) Các khoản vay ngân hàng cũng được đảm bảo bằng tài sản của bên liên quan với giá trị theo biên bản định giá.

Trong kỳ, Công ty có bán hàng trả chậm cho các bên liên quan với lãi suất 6 tháng đầu năm là 3,63%/năm và 6 tháng cuối năm là 1,39%/năm (năm trước là từ 5%/năm đến 15%/năm).

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	51.000.000	219.600.000
Thu nhập Tổng Giám đốc	239.195.600	1.040.373.100
<b>Tổng cộng</b>	<b>290.195.600</b>	<b>1.259.973.100</b>

### 10. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	Giá trị ghi số	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.103.593.185	84.966.022.076
Các khoản phải thu và phải thu khác	588.133.240.031	559.850.846.880
Đầu tư ngắn hạn khác	13.484.000.000	986.841.000
Đầu tư dài hạn khác	68.477.795	941.482.641
<b>Tổng cộng</b>	<b>652.789.311.011</b>	<b>646.745.192.597</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	531.165.777.897	436.893.857.723
Phải trả người bán và phải trả khác	354.192.262.810	218.135.193.661
Chi phí phải trả	685.781.401	1.029.311.716
<b>Tổng cộng</b>	<b>886.043.822.108</b>	<b>656.058.363.100</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

### ▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	29.341.544,20	18.792.235,70	3.674.277,32	2.811.606,90
Euro (EUR)	-	-	100,27	100,27

#### *Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

#### *Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	354.192.262.810	-	354.192.262.810
Chi phí phải trả	685.781.401	-	685.781.401
Các khoản vay	530.129.777.897	1.036.000.000	531.165.777.897



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô CN8, Đường CN5, KCN Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	218.135.193.661	-	218.135.193.661
Chi phí phải trả	1.029.311.716	-	1.029.311.716
Các khoản vay	436.737.857.723	156.000.000	436.893.857.723

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

VND

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	560.914.319.128	27.218.920.903	588.133.240.031
Đầu tư ngắn hạn khác	13.484.000.000	-	13.484.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	68.477.795	68.477.795

01/01/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	559.850.846.880	-	559.850.846.880
Đầu tư ngắn hạn khác	986.841.000	-	986.841.000
Đầu tư dài hạn khác	-	941.482.641	941.482.641

### 11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 12. CÁC THÔNG TIN THUYẾT MINH KHÁC

Do tái cơ cấu theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 7 tháng 11 năm 2012, Công ty quyết định giải thể 02 chi nhánh:

- Xí nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc tại Ô 13A, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.
- Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại Ô 10-11-12-13B, Lô CN8, Đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Xã Tân Vĩnh Hiệp, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, 02 chi nhánh này vẫn đang trong quá trình hoàn tất thủ tục giải thể.

### 13. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2015.

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỲNH THỊ THỦY DIỄM

NGUYỄN THỊ PHƯỚC DIỄM

NGUYỄN THANH NGHĨA